

# Đào tạo tiếng Anh chuyên ngành ở Học viện Hành chính Quốc gia - thách thức và giải pháp

Bùi Thị Phương Trang\*

\*ThS. Học viện Hành chính Quốc gia

Received: 9/4/2024; Accepted: 16/5/2024; Published: 21/5/2024

**Abstract:** English for specific purposes (ESP) plays an important role in the curriculum of some post-graduate training majors of the National Academy of Public Administration (NAPA). Improving the quality of teaching and learning ESP is a concern of departments and lecturers. However, due to many different reasons, the quality of ESP teaching at the academy is still limited because of some reasons such as: learners' awareness, the ESP curriculum is not scientifically designed, the lecturers lack specialized knowledge, the lack of facilities... The purpose of this study is to present the current situation and offer some solutions to improve the quality of ESP teaching at NAPA.

**Keywords:** English for specific purposes, reality, solutions; National Academy of Public Administration

## 1. Mở đầu

Trong xu hướng chung về đào tạo tiếng Anh như một ngoại ngữ (Teaching English as a Foreign Language - TEFL), nhiều nghiên cứu đề cập việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành (TACN) (English for Specific Purposes - ESP) như là một môn học cần thiết và hữu ích. Nếu tiếng Anh chuyên ngữ dành cho đối tượng học và sử dụng chuyên sâu về mặt ngôn ngữ, TACN lại có vị trí quan trọng đối với một đối tượng rộng lớn hơn và đa dạng hơn: sinh viên (SV), học viên của tất cả các ngành khoa học. Chính vì thế, các cơ sở đào tạo nói chung và Học viện Hành chính Quốc gia nói riêng đều mong muốn đạt được những mục tiêu đào tạo có quy mô lớn về số lượng và đạt chuẩn về chất lượng, nhằm đáp ứng nhu cầu của một đối tượng đào tạo lớn, và nhằm tạo ra những sản phẩm đào tạo có chất lượng thật sự. Nói cách khác, những SV cán bộ được đào tạo phải dùng được TACN trong công việc của họ sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, thực tế, đào tạo TACN trong thời gian qua bộc lộ những khó khăn và hạn chế về nhiều mặt dẫn đến việc chất lượng không đạt được những mục tiêu mong muốn.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng hoạt động dạy và học TACN tại Việt Nam

Việt Nam đang trong quá trình chuyển mình, hội nhập vào nền kinh tế đa quốc gia, đa lĩnh vực, do đó vấn đề dạy và học tiếng Anh trong chương trình giáo dục ở nước ta hiện nay được nhà nước và xã hội rất quan tâm và chú trọng. Nhiều cuộc hội thảo, cải cách đã được tổ chức và thực hiện ở các bậc học

về những vấn đề như: nội dung chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng GV, trang thiết bị, tài liệu giảng dạy, cải cách phương pháp kiểm tra, đánh giá và công nhận trình độ người học theo định hướng chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, những nỗ lực này chưa đáp ứng được yêu cầu của một xã hội ngày một năng động và thay đổi thường xuyên như hiện nay. Do vậy, nhiều vấn đề cần được xem xét một cách cụ thể và chi tiết hơn, trong đó có vấn đề dạy và học tiếng Anh ở bậc đại học nói chung và đặc biệt là việc giảng dạy TACN ở các trường đại học nói riêng. Kết quả khảo sát thực địa của Viện Hàn lâm quốc gia Hoa Kỳ năm 2006 có đưa ra nhận xét về phương pháp dạy và học đại học của Việt Nam: “Phương pháp giảng dạy không hiệu quả, quá phụ thuộc vào các bài thuyết trình và ít sử dụng các kỹ năng học tích cực, kết quả là có ít sự tương tác giữa SV và GV trong và ngoài lớp học; quá nhấn mạnh vào ghi nhớ kiến thức theo kiểu thuộc lòng mà không nhấn mạnh vào việc học khái niệm hoặc học ở cấp độ cao (như phân tích và tổng hợp), dẫn đến hậu quả là học hời hợt thay vì học chuyên sâu; SV học một cách thụ động”. Hơn nữa, việc dạy và học TACN nói riêng vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng của hình thức giáo dục theo hướng thi cử. Hầu hết SV đều coi trọng kết quả bài thi hơn là khả năng sử dụng tiếng Anh như một ngoại ngữ giao tiếp. Theo Tiến sĩ Hoàng Văn Vân, mục đích của việc học một ngôn ngữ là có thể sử dụng nó để đáp ứng nhu cầu giao tiếp của bản thân với một người khác bằng ngôn ngữ đó. Tuy nhiên, người học hầu hết chưa hiểu được mục đích cốt lõi này. Do vậy, nhiều SV làm

bài thi viết tiếng Anh có điểm cao nhưng kỹ năng giao tiếp chưa đạt yêu cầu dẫn đến việc chưa đáp ứng được mong muốn, nhu cầu của các nhà tuyển dụng khi tốt nghiệp đại học. Qua phản ánh của một số đơn vị tuyển dụng lao động ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội hay Thừa Thiên Huế, người lao động được tuyển dụng chỉ mới có khả năng sử dụng tiếng Anh cơ bản để giao tiếp trong công việc theo yêu cầu, ngoài ra những kiến thức khác về chuyên ngành hoặc kiến thức giao tiếp liên quan vẫn còn rất yếu, không đáp ứng được nhu cầu làm việc, cần đào tạo hoặc rèn luyện thêm, dẫn trong bảng điểm tốt nghiệp của họ môn TACN đạt điểm khá cao.

## **2.2. Tình hình dạy và học TACN tại Học viện Hành chính Quốc gia**

Theo chương trình đào tạo hiện nay, Học viện Hành chính Quốc gia chỉ đưa học phần TACN vào giảng dạy cho một số ngành đào tạo sau đại học như: Luật, Kinh tế, Chính sách công, Quản lý công, Tài chính ngân hàng, Quản lý kinh tế, Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Lưu trữ học và Quản lý văn hóa. Thông qua thực tế giảng dạy, học tập và kết quả của người học, các học phần này còn tồn tại một số bất cập điển hình.

### **2.2.1. Ý thức học tập của học viên**

Đa số học viên khá thụ động, rụt rè và chưa tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp. Bên cạnh đó, một bộ phận học viên lên lớp môn tiếng Anh với thái độ đối phó do vừa đi học vừa đi làm nên không đủ thời gian cho việc học ở nhà. Một số khác có quan niệm môn Tiếng Anh là môn phụ và không chú tâm học. Một số SV cho rằng môn Tiếng Anh nói chung và môn TACN là quá khó, không thể tiếp thu, do đó sinh ra tâm lý phó mặc. Những điều này đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường cũng như chất lượng học tập của cả lớp.

### **2.2.2. GV và tài liệu giảng dạy**

Đa số các GV tham gia giảng dạy TACN đều không có kiến thức chuyên ngành mà mình giảng dạy. Hầu hết GV chỉ đóng vai trò là người cung cấp vốn từ vựng về chuyên ngành cho học viên. Điều này dẫn đến hạn chế trong việc giảng dạy, truyền tải kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh. Họ ít có cơ hội được tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn trong và ngoài nước để nâng các chuyên môn cũng như kiến thức về chuyên ngành mà mình giảng dạy. Mặc dù vậy, các GV cũng trực tiếp xây dựng đề cương, nội dung bài học thông qua tự nghiên cứu tài liệu và tham khảo ý kiến các khoa, GV chuyên môn. Nội dung bài học chủ yếu là cung cấp định nghĩa, đặc

điểm cơ bản hoặc tập trung vào các thuật ngữ chuyên ngành, bài đọc, các dạng bài tập ngữ pháp nâng cao, dịch Anh Việt và ngược lại với các chủ đề khác nhau, mất cân đối về phát triển bốn kỹ năng. Chính vì thế, phương pháp tiếp cận với kiến thức bằng các hoạt động tạo hứng thú cho SV là một nhiệm vụ khó khăn cho các GV.

### **2.2.3. Điều kiện học tập và thời lượng học phần**

Phương tiện kỹ thuật giảng dạy chủ yếu tại các lớp tiếng Anh hiện nay là máy cassette có đĩa CD, hoặc GV sử dụng máy tính cá nhân để giảng bài trên Powerpoint hay một số phần mềm khác. Sĩ số lớp học mặc dù đã được hạn chế không quá 40 đến 45 SV cho một lớp học, nhưng việc bố trí phòng học nhỏ cho các lớp tiếng Anh lại gây cản trở trong việc tổ chức các hoạt động trong lớp đòi hỏi phải có không gian rộng và thoáng đãng hơn.

Thời lượng cho các học phần TACN là 2 tín chỉ (30 tiết), học dồn trong một cuối tuần, chưa phù hợp với đặc thù học ngôn ngữ là cần có thời gian dài và liên tục. Việc cung cấp kiến thức mới song song với việc luyện tập kỹ năng sẽ phiến diện, nhất là đối với SV không chủ động tìm tòi, nghiên cứu tài liệu trước và sau giờ học, mặc dù giáo viên giảng dạy đã luôn cố gắng tận dụng tối đa việc hướng dẫn cho SV tự học, thực hành, luyện tập ngoài giờ học trên lớp.

### **2.2.4. Độ tin cậy của phương thức đánh giá**

Đối với công tác giảng dạy TACN tại Học viện Hành chính Quốc gia hiện nay, phương thức đánh giá kết quả học tập chưa có độ tin cậy cao khi đề thi do chính GV đứng lớp biên soạn, ngân hàng câu hỏi TACN chưa được xây dựng.

Kết thúc môn học, SV sẽ được đánh giá kết quả bằng hình thức thi vấn đáp. Tuy nhiên hình thức thi này lại chưa có quy định rõ ràng về cách đánh giá kết quả.

## **2.3. Một số giải pháp chủ yếu**

Trên cơ sở thực trạng và thách thức nêu trên, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chủ yếu để cải thiện tình hình giảng dạy và học tập TACN tại Học viện Hành chính Quốc gia và từng bước nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp trong việc đào tạo một học phần quan trọng.

- Cần làm rõ cho người học thấy mục tiêu cụ thể và yêu cầu đặt ra của bộ môn quan trọng và thiết thực này để từng bước nâng cao hứng thú, động cơ tích cực đối với việc học. Ngoài ra, hướng dẫn, tự vấn phương pháp học tập cho SV cũng không kém phần quan trọng. Nhiều SV rất chăm nhưng không biết cách học đã dẫn đến kết quả không cao.

- Đào tạo và thường xuyên bồi dưỡng GV TACN thông qua các khóa tập huấn phương pháp, nâng cao năng lực. Tuy nhiên, với đặc thù của TACN, đa số phần khó nằm ở khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành, thì ý thức tự học, tự trau dồi của người GV thậm chí còn quan trọng hơn. GV nên tranh thủ thời gian tìm hiểu các khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành mà mình đang giảng dạy. Có thể tra cứu trên Internet hoặc trao đổi với đồng nghiệp về những phương pháp dạy TACN tích cực, thú vị cho dù phải đối diện với nhiều khái niệm khó hiểu, khô cứng. Nhiều GV có bài giảng hay nên được nhân mẫu cho đồng nghiệp khác học hỏi và cứ như vậy, kinh nghiệm sẽ được tích lũy ngày một nhiều.

- Phát triển tài liệu dạy học là một trong những kỹ năng quan trọng của người dạy. Với sự trợ giúp của những tổ chức nước ngoài, tài liệu mẫu về TACN hay sự hỗ trợ của hội đồng chuyên môn chung của Bộ, các đơn vị đào tạo cần phối hợp để thống nhất biên soạn bộ giáo trình chuẩn, cập nhật và phù hợp với nhu cầu đào tạo mới. TACN cho chuyên ngành nào thì sẽ được thẩm định và dùng thống nhất trên toàn quốc cho chuyên ngành đó. Có như vậy, sự liên thông và chuyển đổi tín chỉ giữa các đơn vị đào tạo sẽ dễ dàng thuận lợi hơn. Trên cơ sở đó, hội nghị hàng năm đề cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo trình giảng dạy sẽ có cơ sở để thảo luận hơn.

- Xây dựng ngân hàng đề thi trên cơ sở quy chuẩn như TOEIC hoặc các chuẩn quốc tế khác. SV khi học phải được rèn luyện theo chuẩn này để họ chuẩn bị cho việc thi kết thúc khóa học. Dựa trên điều kiện có sẵn của cơ sở đào tạo, cần khuyến khích áp dụng các hình thức thi tương tự như kỳ thi quốc tế để kích thích động cơ học tập và định hướng hoạt động dạy theo năng lực giao tiếp cho SV. Hội đồng ra đề phải được trả thù lao xứng đáng với công sức mà họ đầu tư, nhằm động viên cán bộ GV tham gia ra đề theo chuẩn. GV ra đề phải qua đào tạo, tập huấn và phải là những người có kinh nghiệm thực tế trong giảng dạy TACN.

- Ngoài các kỹ năng chung như: nghe, nói, đọc và viết, ngữ pháp... SV cần được rèn luyện thêm các kỹ năng mềm khác bổ trợ như: kỹ năng diễn giải, tóm tắt, suy luận, nêu vấn đề, diễn đạt, so sánh, đối chiếu, thuyết trình, làm việc nhóm, viết báo cáo... Chính các kỹ năng tự học và tích cực hóa hoạt động học đã giúp SV tiếp thu bài giảng chủ động và hứng thú.

- Học viện cần sớm đưa vào sử dụng phòng học đa năng cho SV trong giờ học ngoại ngữ. Máy chiếu là phương tiện tối thiểu nhất của dạy học hiện đại, dạy

học tích cực vì trong môi trường đó, cả thầy và trò đều phát huy tính tích cực trong lĩnh vực của mình. Trang bị Internet trong phòng học lại càng lý tưởng hơn khi thầy và trò có thể tra cứu trực tuyến những vấn đề thuật ngữ hoặc khái niệm liên quan. Lớp học TACN lý tưởng không nên quá 30 SV mặc dù theo nghiên cứu của Tony Dudley-Evans, Maggie Jo St John một nhóm học TACN lý tưởng chỉ 6 đến 8 người học.

### 3. Kết luận

Thực tế về trình độ giao tiếp tiếng Anh của SV tốt nghiệp đại học đang là hồi chuông cảnh báo về chương trình và phương pháp đào tạo ở các trường đại học. Với chủ trương đổi mới tự chủ trong quản lý giáo dục ở các trường đại học của Chính phủ, cùng với quyết tâm tìm kiếm hiệu quả trong việc dạy và học TACN, chúng ta phải có một số thay đổi, trong đó có thay đổi nhận thức. Việc đề xuất ý tưởng thực ra chỉ là bước khởi đầu. Những việc nhận thức đầy đủ của chúng ta và của SV về toàn bộ quá trình dạy và học Tiếng Anh nói chung và TACN nói riêng phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và theo hướng cải cách giáo dục đại học, mới là vấn đề chính.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bouzidi, H.. (2009), *Between the ESP Classroom and the Workplace: Bridging the Gap*. English Teaching Forum. Number 3.
- [2]. Hutchinson, T. and A. Water (1987), *English for Specific Purposes: A Learning-centred Approach*. Cambridge: CUP.
- [3]. Kaur S. and C. Clarke (2009), *Analysing the English Language Development of Human Resource Staff in Multinational Companies*. English for Specific Purposes. Issue 3 (24), Volume 8.
- [4]. Savas, B.. (2009), *Role of Functional Academic Literacy in ESP teaching: ESP Teacher Training in Turkey for Sustainable Development*. The Journal of International Social Research. Volume 2/9.
- [5]. Nguyễn Hoàng Tuấn (2007), *Một vài suy nghĩ về việc dạy TACN ở bậc đại học. Giảng dạy tiếng Anh bậc đại học ở VN. Vấn đề và giải pháp*. NXB Đại học quốc gia TP HCM.
- [6]. Nguyễn Thị Kiều Thu (2007), *Tình hình giảng dạy TACN tại trường ĐH KHXH & NV TP HCM tạm một vài kiến nghị. Giảng dạy tiếng Anh bậc đại học ở VN: vấn đề và giải pháp*. NXB Đại học quốc gia TP HCM.
- [7]. Van H. Van (2008), *The current situation and issues of the Teaching of English in Viet Nam, Japanese*.